

Đổi mới chương trình đào tạo môn học Kế toán tài chính trong các trường đại học ở Việt Nam

Phạm Đức Cường*, Đoàn Thị Trúc Quỳnh**

Bài viết nghiên cứu thực trạng đào tạo môn học kế toán tài chính (KTTC) trong các trường đại học ở Việt Nam thông qua đánh giá kết quả đầu ra, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá học viên,... trong quan hệ so sánh với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới tại Mỹ, Anh, Úc. Bằng việc xây dựng các giả định nghiên cứu và chứng minh, chúng tôi cho rằng, chương trình môn học KTTC cần phải được nghiên cứu thay đổi về nội dung và kết cấu. Các trường đại học cũng cần có những thay đổi liên quan đến phương pháp giảng dạy môn học này cũng như cách thức áp dụng phương thức đánh giá quá trình thay cho việc đánh giá tổng kết đang áp dụng hiện nay cho môn học này.

Từ khóa: Chương trình môn học; Kế toán tài chính; Trường Đại học; Kế toán

1. Sự cần thiết đổi mới chương trình đào tạo Kế toán tài chính

Tính đến cuối năm 2012, ở Việt Nam có 412 trường đại học và cao đẳng. Trong số đó, có hơn 300 trường đào tạo chuyên ngành kế toán và kiểm toán, chưa kể tới các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc các trung tâm dạy nghề. Hàng năm, cả nước có tới hàng chục ngàn sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán kiểm toán, và hàng năm, số lượng thí sinh đăng ký học chuyên ngành kế toán, kiểm toán vẫn rất đông theo các hệ đào tạo khác nhau như chính quy tập trung, vừa học vừa làm, văn bằng hai, cao học,... Thực tế cho thấy, nghề kế toán kiểm toán vẫn là nghề “hot” được giới trẻ quan tâm. Tính trên cả nước, số nhân viên kế toán đang làm việc trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác khoảng 2 triệu người (Hiếu Nguyễn, 2012). Rõ ràng nhu cầu về người làm kế toán, về đào tạo người làm kế toán là rất lớn, thường xuyên, liên tục và ngày càng đòi hỏi chất lượng cao hơn.

Tuy nhiên, sinh viên tốt nghiệp ra trường đang bộc lộ những điểm yếu về chuyên môn, về khả năng xử lý công việc,... Những tồn tại này, theo nhiều học giả nhận xét, là do chương trình đào tạo của các trường đại học, trong đó có liên quan đến một trong những môn học mà quan trọng nhất là kế toán tài chính. Bài viết này trước hết xem xét những cuộc tham luận, hội thảo quốc gia về đào tạo kế toán, kiểm toán để xác định những tồn tại phát sinh liên

quan đến đào tạo chương trình kế toán tài chính. Sau đó, tác giả so sánh nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, đánh giá của các trường đại học trên thế giới để từ đó đưa ra các kiến nghị liên quan đổi mới chương trình đào tạo môn học này.

2. Các thực trạng về chất lượng đào tạo và các giả thuyết nghiên cứu

Theo kết quả khảo sát của NavigosSearch, các sinh viên khi ra trường, có tới 80% được hỏi chỉ tự tin khi làm việc với các đơn vị trong nước nhưng chưa sẵn sàng với đơn vị nước ngoài. Bên cạnh đó, có khoảng 66,7% đang làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và chỉ 17,4% số lượng nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán ở vị trí quản lý (Hiếu Nguyễn, 2012). Tại hội thảo quốc gia về đào tạo kế toán - kiểm toán, nhiều học giả đã nhận xét các tồn tại chung liên quan đến nội dung môn học nói chung, môn học kế toán tài chính nói riêng, bao gồm:

- Nội dung môn học ngành Kế toán - kiểm toán còn nặng về lý thuyết; nhiều môn học còn trùng lặp nhau, chưa gắn với thực tế công việc;

- Phương pháp giảng dạy “thầy đọc trò chép và làm bài tập” được thay bằng công thức “thầy giảng, trò nghe và làm bài tập”;

- Mặc dù đã ban hành các chuẩn mực kế toán nhưng hầu hết các giáo trình về kế toán của các trường đều được soạn theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính nên hạn chế phần nào đến khả năng suy luận và phát triển kiến thức của sinh viên;

- Chương trình hiện nay chưa tính đến vấn đề hội nhập;

- Sinh viên tốt nghiệp thiếu kỹ năng mềm.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương Liên-Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội, đã liệt kê một số tồn tại liên quan đến chất lượng nguồn nhân lực của chúng ta (Hiếu Nguyễn, 2012), bao gồm:

- Việc đào tạo chuyên môn còn mang nặng tính lý thuyết và ít thực hành;

- Đến 70% người học trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán- kiểm toán ngay mà cần được đào tạo và hướng dẫn lại;

- 80% cho rằng chương trình đào tạo ngành kế toán còn nặng về lý thuyết;

- 50% cho rằng khối lượng kiến thức chuyên ngành lĩnh hội được ít;

- Các cử nhân kế toán sau khi đi làm thường có xu hướng trở thành những kế toán giỏi theo nghĩa đảm bảo sự tuân thủ nhưng khả năng sáng tạo ít và khả năng giải quyết những vấn đề phức tạp hạn chế.

Những quan điểm trên cũng trùng lặp với nhận xét của ông Ian Lydall - Tổng giám đốc của công ty kiểm toán PriceWaterHouseCoopers. Ông này còn bổ sung rằng, (1) Việc đào tạo nhân lực cho ngành kiểm toán, kế toán tại Việt Nam chưa thực sự đúng phương pháp, và (2) Bên cạnh nền tảng kiến thức, sinh viên theo học kế toán cần phải thể hiện óc quan sát và tư duy phân tích cao, giỏi tính toán, yêu thích những con số, có kỹ năng viết và khả năng chịu đựng áp lực của công việc (Thu Anh, 2010).

Trên đây là những quan điểm bày tỏ về những tồn tại liên quan đến chương trình đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam. Như vậy, các câu hỏi có thể đặt ra bao gồm:

1. Chương trình giảng dạy của chúng ta chưa đầy đủ, chưa cập nhật và thiếu tính hòa nhập quốc tế?

2. Phương pháp giảng dạy của chúng ta chưa phù hợp và chưa hiệu quả?

3. Phương thức đánh giá sinh viên của chúng ta chưa có tính hiệu quả và hiệu lực?

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Chương trình đào tạo môn học kế toán tài chính ở các trường đại học đã phù hợp?

Để đánh giá được chương trình đại học, trước hết phải xem xét mục tiêu của môn học. Các trường đại học ở Úc (như Đại học Sydney, Đại học Macquarie; Đại học quốc gia Úc, Đại học Monash; Đại học Melbourne), ở Mỹ (như Đại học bang California-Long beach; UC San diego,...), hoặc các tổ chức chuyên đào tạo kế toán đã xây dựng mục tiêu đào

tạo rất rõ ràng và cụ thể. Ví dụ, tại Đại học Macquarie (Úc), mục tiêu môn học kế toán tài chính phải hướng đến trang bị cho người học các khả năng sau (ĐH Macquarie, 2012):

- Khả năng phân tích, phê bình, tư duy tổng hợp;

- Khả năng giải quyết vấn đề và khả năng nghiên cứu những vấn đề khó;

- Kỹ năng sáng tạo;

- Khả năng giao tiếp hiệu quả;

- Khả năng xét đoán nghề nghiệp và cá nhân.

Theo AICPA, mục tiêu đào tạo kế toán viên là: Đào tạo kế toán phải hướng đến trang bị cho người học những nền tảng để học tập suốt đời, để hoàn thiện và phát triển. Bên cạnh đó, việc đào tạo kế toán nên phát triển khả năng phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng đánh giá nghề nghiệp, và tính chính trực bên cạnh những nội dung liên quan đến chuyên môn, đến đạo đức nghề nghiệp, đến giao tiếp và đến kinh tế (APCPA, 2012).

Thực hiện việc so sánh các nội dung môn học kế toán tài chính tại các trường đại học ở Việt Nam như Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện tài chính, Đại học thương mại, Đại học Lao động Xã hội,... có thể nhận thấy một cách rõ ràng rằng, không một chương trình đào tạo nào có nêu một cách rõ ràng và đầy đủ các mục tiêu môn học như ở các nước phát triển.

Tiếp tục xem xét về nội dung môn học kế toán tài chính, tác giả lập bảng so sánh nội dung chương trình đào tạo dưới các góc độ tên môn học, phân định giữa các môn liên quan, trình tự giới thiệu từng chương (phần) trong chương trình, và nội dung trình bày trong từng chương trong môn học (Bảng 1).

Như vậy, có thể kết luận liên quan đến câu hỏi thứ nhất rằng:

- Mục tiêu đào tạo kế toán tài chính của chúng ta chưa rõ ràng;

- Chương trình đào tạo kế toán tài chính của chúng ta có sự khác biệt lớn với chương trình đào tạo của các trường đại học khác ở các nước phát triển và các nước trong khu vực.

3.2. Phương pháp giảng dạy của chúng ta chưa phù hợp và chưa hiệu quả?

Qua quá trình giảng dạy, quan sát, và phỏng vấn một số giảng viên tham gia giảng dạy ở một số trường đại học, tác giả nhận thấy rằng chúng ta đang giảng dạy theo phương thức truyền thống. Cụ thể, giảng viên khi giảng về phần lý thuyết môn học kế toán tài chính mới chỉ nêu được chế độ kế toán quy định những nội dung gì, các thức ghi chép các chỉ tiêu được quy định ra sao. Sinh viên khi lên lớp lắng nghe và ghi chép một cách thụ động, và làm bài tập

Bảng 1: So sánh nội dung chương trình đào tạo

Tiêu chí so sánh	KTTC - ĐH nước ngoài	KTTC - ĐH Việt Nam
Tên môn học	Financial Accounting; Intermediate Accounting	Kế toán tài chính doanh nghiệp
Phân định các môn liên quan	Nguyên lý kế toán; Kế toán tài chính 1, 2; Kế toán tài chính nâng cao; Phân tích báo cáo tài chính	Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, 2, 3, (4); Kế toán công ty; Phân tích báo cáo tài chính.
Nội dung chương trình về mặt lý thuyết	Báo cáo tài chính được giới thiệu đầu tiên, các chương tiếp theo giới thiệu về các phân hành kế toán. Không có chương nào giới thiệu về kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm (chương này được đưa vào kế toán chi phí hoặc kế toán quản trị). Không giới thiệu tách biệt kế toán nguyên vật liệu, kế toán thành phẩm, hàng hóa mà giới thiệu chung thành một chương kế toán hàng tồn kho.	Các nội dung về kế toán phân hành được giới thiệu trước, báo cáo tài chính được giới thiệu sau. Có chương kế toán CPSX và giá thành sản phẩm với nội dung dài và tương đối khó. Gắn với chương này, các cuốn sách đều giới thiệu kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán lương; kế toán thành phẩm, hàng hóa,... Chương trình mới chỉ là sự liệt kê chế độ kế toán. KTTC của chúng ta vẫn chỉ tập trung vào DNNN mà thiếu vắng tính khái quát để có thể áp dụng cho loại hình DN khác
Phương thức giới thiệu nội dung trong từng chương	Giới thiệu lý thuyết, viết theo kiểu giới thiệu quy định của chuẩn mực, thảo luận sự khác biệt GAAP, IFRS. Các nội dung được giới thiệu gắn kết với các chỉ tiêu trình bày trên các báo cáo tài chính. Các bài tập tình huống, các box giới thiệu về kế toán thực tế tại DN thực tế gắn với từng phần viết. Bài tập đa dạng, tổng hợp kiến thức còn có những đề thi CPA,...	Chỉ viết lý thuyết, không có bài tập tình huống, không có ví dụ thực tiễn doanh nghiệp thực tế. Đề thi, bài tập chỉ là những câu mà giáo viên tự nghĩ ra, thiếu gắn kết với thế giới thực. Nội dung truyền tải trên lớp mới chỉ là chế độ, chữa bài tập cuối chương có liên quan.

Nguồn: So sánh chương trình đào tạo môn học này của các trường Đại học trong nước so sánh với các trường ĐH ngoài nước.

được giao tại nhà. Những năm gần đây, việc giảng dạy (không chỉ áp dụng cho môn học kế toán tài chính) có thay đổi từ phương thức “thầy đọc trò chép và làm bài tập” được thay bằng công thức “thầy giảng, trò nghe và làm bài tập”. Trên lớp, có rất ít giảng viên đưa ra những bài tập tình huống thực tế để có sự trao đổi, thảo luận trên lớp nhằm tăng cường các khả năng phân tích, đánh giá cá nhân và nghề nghiệp.

Tại các nước phát triển, nội dung giảng dạy của các giảng viên giảng kế toán tài chính có nhiều khác biệt với giảng viên Việt Nam. Cụ thể, giảng viên giới thiệu lý thuyết các nội dung, giới thiệu sự khác

biệt GAAP, IFRS, liên hệ với báo cáo tài chính, khích lệ người học. Giảng viên giao bài tập nhóm, sinh viên thu thập, phân tích dữ liệu, và sau đó thuyết trình trên lớp. Bên cạnh đó, giảng viên thực hiện đánh giá liên tục, theo cả quá trình học tập môn học (Marriott P., Lau A., and Lewis D., 2007; Marriott P., Lau A., 2008).

Hiện nay, tại nhiều trường đại học ở các nước phát triển, phương pháp giảng dạy theo tình huống PBL (problem-based learning) vào đào tạo môn học này. Phương pháp này hướng đến việc học tập qua làm việc “Learning by doing”. Qua phương pháp này, sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp

chuyên môn và phát triển được kỹ năng mềm như suy luận từ những dữ kiện rời rạc, thiếu tính hệ thống, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giải quyết những vấn đề mới và khó (Stanley, T.A. & Stephen J., 2012).

Tại nhiều trường trên thế giới việc sử dụng kết hợp công nghệ thông tin, các cơ sở dữ liệu kế toán, tài chính. Nhiều trường đại học đã xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống báo cáo tài chính, các vụ vi phạm đạo đức nghề nghiệp kế toán,... Các dữ liệu này được sử dụng nhiều trong quá trình giảng dạy môn học kế toán tài chính (Stanley, T.A. & Stephen J., 2012). Việc lồng ghép những nội dung này đã làm tăng khả năng phân tích những sự kiện, những tình huống có thực, tăng kỹ năng phân tích, so sánh và giao tiếp vào trong kế toán. Và hơn nữa, phương thức này góp phần giảm “độc thoại” của giảng viên khi lên lớp.

Bên cạnh việc sử dụng cơ sở dữ liệu chung, việc sử dụng công nghệ thông tin phát triển vào trong kế toán tài chính cũng là một điểm mạnh nữa đã được áp dụng ở các nước khác. Ví dụ, việc sử dụng phần mềm kế toán ảo, sử dụng internet để tìm kiếm dữ liệu, trao đổi dữ liệu. Ở một số trường đại học lớn, việc sử dụng hệ thống trả lời của sinh viên (SRS-student response system) đang được đưa vào sử dụng. Hệ thống này cho phép sử dụng các thiết bị di động, bao gồm các thiết bị phần cứng và phần mềm cho phép đăng câu hỏi, câu trả lời, tổng hợp kết quả, trình bày kết quả và lưu trữ kết quả. Hệ thống SRS có một số ưu điểm nổi trội như (1) Sinh viên phải chuẩn bị bài ở nhà; (2) Sinh viên phải dự lớp và tham gia đóng góp trên lớp tích cực hơn; (3) Sinh viên cảm giác vui thích khi đến lớp; (4) Hoạt động của giảng viên được hoàn thiện dần; (5) Quá trình học tập được cải thiện; (6) Thông tin phản hồi kịp thời và thường xuyên; và cuối cùng (7) Câu trả lời của sinh viên trung thực hơn (NUIT, 2012).

Như vậy, có thể kết luận liên quan đến câu hỏi thứ hai rằng:

- Phương pháp giảng dạy kế toán của chúng ta vẫn theo hướng truyền thống, chưa có tính cập nhật, chưa nâng cao được tính sáng tạo, tính chủ động của người học;

- Giảng viên chưa thực hiện hoàn thiện chính mình sau một quá trình giảng.

3.3. Phương thức đánh giá sinh viên của chúng ta chưa có tính hiệu quả và hiệu lực?

Cơ quan đảm bảo chất lượng của Anh (QAA, UK) đã cho rằng, việc đánh giá sinh viên phải theo hai tiêu thức (1) định lượng; (2) định tính. Với tiêu thức định lượng, kết quả học tập của sinh viên được sử

dụng. Với tiêu thức định tính, phải bao gồm trong đó những phản hồi của người học, phải khích lệ người học và phát triển của sinh viên. Có nhiều phương thức đánh giá người học. Tuy nhiên, có hai phương thức chủ yếu là đánh giá quá trình (formative assessment) và đánh giá tổng kết (summative assessment) (Susan M. Curtis, 2011; Stivers P., et al., 2000). Các trường đại học ở các nước phát triển như Kennesaw State University; Sydney University; Macquarie University;... đã thực hiện hai phương thức đánh giá này thông qua hệ thống các tiêu thức sau:

- Kỹ năng giao tiếp (Communication skills);
- Khả năng sáng tạo (Intellectual skill);
- Kỹ năng làm việc theo nhóm (Interpersonal skill);
- Kiến thức chung (General knowledge);
- Kiến thức về tổ chức và kinh doanh (Organizational and business knowledge);
- Kiến thức về kế toán chuyên ngành (Accounting knowledge).

Từ trước tới nay, các trường đại học đào tạo kế toán ở Việt Nam mới chỉ đánh giá người học theo điểm số. Những năm về trước, chúng ta mới chỉ đánh giá sinh viên bằng một điểm số dựa vào kết quả thi cuối kỳ. Một vài năm gần đây, chúng ta thực hiện đánh giá theo một số tiêu chí như điểm dự lớp, điểm kiểm tra giữa kỳ, và điểm thi cuối kỳ. Việc sửa đổi này đã được thực hiện ở đa số các trường đại học trên toàn quốc. Tuy nhiên, việc đánh giá, mặc dầu theo ba thang điểm, vẫn mang tính hình thức. Và nếu so sánh với các tiêu thức đặt ra ở các trường đại học phát triển và theo tiêu thức mà cơ quan đảm bảo chất lượng của Anh (QAA) thì việc đánh giá của chúng ta còn chưa thực sự đầy đủ và chưa hướng đến tính bắt buộc người học làm việc, cũng chưa khích lệ được người học tự nghiên cứu và phát triển.

Như vậy, có thể kết luận liên quan đến câu hỏi thứ ba rằng:

- Cách thức đánh giá sinh viên của chúng ta mới ở mức khởi đầu. Việc đánh giá định kỳ theo điểm số chưa thực sự đầy đủ;

- Việc đánh giá của chúng ta chưa khích lệ được người học, chưa hướng đến sự phát triển cá nhân của các người học.

4. Một số kiến nghị và giải pháp hoàn thiện chương trình đào tạo kế toán tài chính và kết luận

Với ba câu hỏi và đã được trả lời, chúng ta có thể thấy rằng việc đổi mới chương trình đào tạo môn học kế toán nói chung và kế toán tài chính nói riêng là cần thiết. Việc đổi mới cần hướng đến (1) Đổi mới về nội dung chương trình kế toán tài chính; (2)

Đổi mới về phương pháp giảng dạy của giảng viên;
(3) Đổi mới về phương pháp đánh giá sinh viên.

Trước hết, đổi mới nội dung chương trình môn học kế toán tài chính phải đề cập rõ ràng đến mục tiêu môn học. Kế toán tài chính là bộ phận kế toán cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm trong và ngoài DN (chủ yếu cho bên ngoài) qua hệ thống báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính phải được lập theo những nguyên tắc, chuẩn mực kế toán riêng biệt. Do vậy, việc thiết kế môn học kế toán tài chính phải gắn liền với các môn học khác, tránh sự trùng lặp với các môn học khác. Cụ thể, môn học kế toán tài chính nên giới thiệu trước hết về báo cáo tài chính. Không nên đưa vào môn học này phần viết về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Nội dung này nên được đưa vào môn học kế toán quản trị hoặc kế toán chi phí. Khi đã chuyển chương này, chúng ta sẽ giới thiệu chung một nội dung kế toán hàng tồn kho, thay vì giới thiệu các phần riêng biệt về kế toán nguyên vật liệu, về kế toán doanh nghiệp nông nghiệp, kế toán doanh nghiệp thương mại, kế toán doanh nghiệp xuất nhập khẩu, kế toán doanh nghiệp xây lắp, và kế toán doanh nghiệp du lịch dịch vụ.

Khi cắt chuyển những nội dung này, chương trình hiện nay sẽ không còn quá dài và đơn điệu. Khi đó, nội dung chương trình cần bổ sung các nội dung kiến thức cập nhật, kiến thức thực tế vào chương trình. Sau khi tham khảo một số giáo trình kế toán tài chính nổi tiếng thế giới, như cuốn sách *Intermediate Accounting*, các nội dung sau nên được nghiên cứu để đưa vào chương trình đào tạo kế toán tài chính:

- Các bài tập tình huống;
- Các bài đọc ngắn: đọc và thảo luận trên lớp;
- Các nội dung được giới thiệu theo quy định của chuẩn mực, có so sánh với các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, với các chuẩn mực kế toán quốc tế (GAAP, IFRS);
- Các nội dung giới thiệu phải có sự gắn kết với các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Về phương pháp giảng dạy, giảng viên trong các trường đại học cần hướng tới hoàn thiện các điểm chính sau cho sinh viên (Carla Carnaghan C., et al., 2011):

- Tăng kỹ năng tổ chức thu thập, đánh giá thông tin;
- Tăng kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Tăng kỹ năng phân tích từ những dữ liệu có sẵn, chưa được sàng lọc;
- Hoàn thiện và tăng kỹ năng sử dụng thông tin kế

toán;

- Hoàn thiện và tăng kỹ năng kết nối và giao tiếp,...

Để thực hiện được những mục tiêu trên, giảng viên cần trao đổi các kiến thức thực tế về kế toán Việt Nam, kế toán quốc tế. Giảng viên cũng cần sử dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy môn học kế toán tài chính (Elizabeth A., Christopher J. Hoepfner, 2002). Về phương thức đào tạo, các trường đại học cũng cần thay đổi căn bản, hạn chế cách đào tạo truyền thống, nặng về lý thuyết, xa rời thực tế, dẫn đến sinh viên ra trường chậm làm quen với công việc. Tác giả đồng ý với quan điểm của Đặng Văn Thanh, “chấm dứt cách giảng dạy thụ động, người học buộc phải coi các chế độ kế toán do nhà nước quy định là kiến thức kế toán chuẩn. Cần phải tạo cho người học hiểu và phát triển lý luận mang tính bản chất của kế toán và kiểm toán. Chế độ kế toán hay các quy định kế toán, kiểm toán của nhà nước trong từng thời kỳ, trong từng cơ chế quản lý chỉ là sự hiện thân, sự minh chứng cho những nguyên lý mang tính bản chất của kế toán” (Đặng Văn Thanh, 2010).

Như vậy, đánh giá về chương trình đào tạo, nội dung đào tạo và phương pháp đánh giá sinh viên đối với môn học kế toán tài chính đang áp dụng tại trường đại học ở Việt Nam cho thấy còn nhiều điều bất cập. Cụ thể, mục tiêu đào tạo KTTC của chúng ta chưa rõ ràng, và chương trình đào tạo KTTC của chúng ta có sự khác biệt lớn với chương trình đào tạo của các trường ĐH khác ở các nước phát triển và các nước trong khu vực. Phương pháp giảng dạy kế toán của chúng ta vẫn theo hướng truyền thống, chưa có tính cập nhật, chưa nâng cao được tính sáng tạo, tính chủ động của người học. Giảng viên chưa thực hiện hoàn thiện chính mình sau một quá trình giảng. Cách thức đánh giá sinh viên của chúng ta mới ở mức khởi đầu. Việc đánh giá định kỳ theo điểm số chưa thực sự đầy đủ. Việc đánh giá của chúng ta chưa khích lệ được người học, chưa hướng đến sự phát triển cá nhân của các người học.

Các trường đại học và các tổ chức đào tạo kế toán cần thiết phải đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, và phương thức đánh giá sinh viên đối với môn học kế toán tài chính nói riêng và kế toán nói chung. Việc đổi mới này không chỉ trước hết để nâng cao những “sản phẩm đầu ra” của các trường đại học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Sự thành công của các sinh viên, quay trở lại, đóng góp vào sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức đào tạo kế toán khác. □

Tài liệu tham khảo:

- AICPA, (2012), “AICPA Mission and History”, tải về từ trang <http://www.aicpa.org/about/missionandhistory/pages/missionhistory.aspx>
- Chương trình đào tạo môn học kế toán tài chính của các trường đại học như Đại học Sydney, Đại học Macquarie; Đại học quốc gia Úc, Đại học Monash; Đại học Melbourne (Úc), Đại học bang California- Long beach; UC San diego,... (Mỹ), và các trường đào tạo kế toán ở VN (Truy cập các web của các trường).
- Carla Carnaghan C., et al., (2011), “Using student response systems in the accounting classroom: Strengths, strategies and limitations, Journal of Accounting Education, Volume 29, Issue 4, Pages 265–283.
- Đặng Văn Thanh, (2010), “Giải pháp đưa kế toán và kiểm toán Việt Nam ngang tầm khu vực và quốc tế”. Tải về từ trang: <http://dtu.topica.edu.vn/index.php/vi/chuong-trinh-dao-tao/cu-nhan-ke-toan/tin-tuc-chuyen-nganh/507-giai-phap-dua-ke-toan-va-kiem-toan-viet-nam-ngang-tam-khu-vuc-va-quoc-te>.
- Elizabeth A. Murphy*, Christopher J. Hoepfner, (2002), “Using technology and library resources in financial accounting courses”, Journal of Accounting Education, Volume 20, Issue 4, Pages 331–346
- Hiếu Nguyễn, (2012), “Cấp bách nâng cao chất lượng đào tạo kế toán-kiểm toán”, Báo Giáo dục và Thời đại.
- Marriott P., Lau A., and Lewis D., (2007), “The use of phased on-line summative assessment on a first year undergraduate accounting module”, <http://www.reap.ac.uk>
- NUIT, (2012). Student Response System (SRS), Tải về từ trang <http://www.it.northwestern.edu/srs/>
- Marriott P., Lau A., (2008), The use of on-line summative assessment in an undergraduate financial accounting course, Journal of Accounting Education, Volume 26, Issue 2, Pages 73–90
- Stivers P., Campbell J. E., and Hermanson H. M., (2000), “An Assessment Program for Accounting: Design, Implementation, and Reflection”, Issues in Accounting Education Vol. 15, No. 4
- Susan M. Curtis, (2011), “Formative assessment in accounting education and some initial evidence on its use for instructional sequencing”, Journal of Accounting Education, Volume 29, Issue 4, Pages 191–211
- Stephen D. Willits, (2010), “Will more liberal arts courses fix the accounting curriculum”, Journal of Accounting Education, Vol. 28, Issue 1, Pages 13–25
- Stanley, Trevor A. & Marsden, Stephen J. (2012) “Problem-based learning: does accounting education need it? Journal of Accounting Education”, Vol. 30(3/4), pp. 267-289.
- Thu Anh, (2012), “Đào tạo kế toán tại Việt Nam chưa đúng phương pháp”, Tải về từ trang laodong.com.vn

Innovating education program of financial accounting course in Vietnamese universities

Abstract:

This paper studies the current situation of training financial accounting course in Vietnamese universities. We focus on assessment of not only quality of graduated students, content and structure of financial course but also on teaching methodology and assessment methods in comparison with corresponding categories conducted by famous universities in the US, UK and Australia. We conclude that, the financial accounting course need to be changed in content, in teaching method, and in assessment schemes, especially formative assessment need to be applied instead of currently summative scheme.

Thông tin tác giả:

***Phạm Đức Cường, tiến sĩ**

- Nơi công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả từng đăng: Tạp chí Kinh tế và phát triển, Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán, Tạp chí Kế toán - Kiểm toán, Tạp chí Nghiên cứu đào tạo ngân hàng

Email: phamduccuong2003@yahoo.com

****Đoàn Thị Trúc Quỳnh, thạc sĩ**

- Nơi công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: dtquynh0711@gmail.com